

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch;
Bà Đào Thị Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1220/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 84H, tổ 39C, khu phố 11, phường T1, thành phố B, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa;

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1992; cư trú tại: Số 461A, xóm 2, tổ 17, ấp T2, xã H 3, huyện T3, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; bà và ông Nguyễn Văn K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ A,

huyện H, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016 ngày 29/02/2016. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa bà và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

+ Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung là Nguyễn Duy K1, sinh ngày 25/11/2012 và Nguyễn Thuỳ T4, sinh ngày 27/5/2017. Hiện các con đang sống chung với bà nên sau khi ly hôn, bà đề nghị giao 02 con chung cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm thời, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt đề ngày 09/3/2023, bị đơn ông Văn K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, hiện vợ chồng không còn chung sống và cũng không còn liên lạc với nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Do bận công việc nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

+ Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Duy K1, sinh ngày 25/11/2012 và Nguyễn Thuỳ T4, sinh ngày 27/5/2017. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao cả hai con cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

- *Phản phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ *Về đường lối giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm thời, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Văn K có nơi cư trú tại ấp T2, xã H, huyện T1, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T và bị đơn ông Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông K.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ A, huyện H, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016 ngày 29/02/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông K là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa bà và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành, hiện không còn chung sống và tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, ông K đồng ý ly hôn và giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T, ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T, ông K được ly hôn;

2.2 Về con chung: Bà T, ông K có 02 con chung là Nguyễn Duy K1, sinh ngày 25/11/2012 và Nguyễn Thuỳ T4, sinh ngày 27/5/2017; Hiện nay cả 02 con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của bà T, đề nghị của ông K và sự cần thiết của việc đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ; căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung là Nguyễn Duy K1, sinh ngày 25/11/2012 và Nguyễn Thuỳ T4, sinh ngày 27/5/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T với bị đơn ông Nguyễn Văn K về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Duy K1, sinh ngày 25/11/2012 và Nguyễn Thuỳ T4, sinh ngày 27/5/2017 cho bà Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, ông Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được tính từ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002060 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Thi hành bản án của Tòa án: Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Trảng Bom;
- UBND xã Vĩnh Mỹ A, H. H, T. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Thùy Trinh